

SĐC

32

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
AN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC



VĂN KIẾN
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH
LẦN THỨ IX, NHIỆM KỲ 2010 - 2015

Đồng Xoài, tháng 9 năm 2010

324.259 707 509 597 71

V 115 K.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC

VĂN KIỆN

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH
LẦN THỨ IX, NHIỆM KỲ 2010 - 2015**

THƯ VIỆN TỈNH
BÌNH PHƯỚC

ĐC / 32.

Đồng Xoài, tháng 9 năm 2010

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ VIII NHIỆM KỲ 2005-2010,
PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP
NHIỆM KỲ 2010-2015

*(Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước khoá VIII
trình tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX)*

Thực hiện chỉ thị số 37-CT/TW ngày 04-8-2009 của Bộ Chính trị về đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX có nhiệm vụ tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII nhiệm kỳ 2005 - 2010; quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2010 - 2015; kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh trong nhiệm kỳ 2005 - 2010 và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2010 - 2015.

PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI VIII NHIỆM KỲ 2005 - 2010

Năm năm qua, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII trong bối cảnh thuận lợi, khó khăn đan xen; trong đó thuận lợi là cơ bản, với thành quả hơn 20 năm đổi mới của đất nước và những thành tựu đạt được từ sau tái lập tỉnh về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh... Nhìn chung, chúng ta đã dự báo đúng tình hình, nên đã chủ động trong lãnh đạo, chỉ đạo và có nhiều giải pháp tích cực, sát thực tế trong tổ chức thực hiện Nghị quyết. Tuy nhiên, do đặc thù của một tỉnh miền núi, có 240 km đường biên giới, với 41 thành phần dân tộc và dân di cư tự do tăng nhanh, xuất phát điểm kinh tế - xã hội thấp, cùng với tình hình khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế thế giới, thiên tai, dịch bệnh đã tác động không nhỏ đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Mặt khác, trong xây dựng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ có mặt chưa sát thực tế, chưa lường hết được những khó khăn, phức tạp trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã có nhiều nỗ lực, vượt qua khó khăn, thách thức, phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

I/ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1/ Thành tựu

Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; các ngành, lĩnh vực đều phát triển, thu ngân sách đạt mục tiêu đề ra, thu hút đầu tư có chuyển biến, chính sách khuyến khích đầu tư được bổ sung kịp thời, kết cấu hạ tầng được ưu tiên đầu tư.

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) bình quân 5 năm đạt 13,2%, là mức tăng trưởng cao trong điều kiện kinh tế thế giới suy thoái (từ năm 2006 - 2008 bình quân GDP tăng 14,3%/năm). GDP bình quân đầu người năm 2005 đạt 470 USD, dự kiến năm 2010 đạt 18, 512 triệu đồng (tương đương 1.028 USD), gấp 1,8 lần mục tiêu đề ra. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng. Công nghiệp, xây dựng từ 18% năm 2005 tăng lên 24,1% vào năm 2010; dịch vụ từ 25,3% tăng lên 28,8% và nông, lâm, thủy sản giảm từ 56,7% xuống còn 47,1%. Trong từng ngành đã có sự chuyển dịch cơ cấu, gắn sản xuất với thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm. Trong đó:

Sản xuất công nghiệp có chiều hướng phát triển khá tốt. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân trong nhiệm kỳ là 21%, (năm 2006 tăng 18,3%, năm 2007 tăng 26,5%, năm 2008 mặc dù lạm phát tăng cao nhưng vẫn đạt tốc độ tăng trưởng 21,3%; năm 2009 do suy thoái kinh tế nên chỉ đạt tốc độ tăng trưởng 12,6%, dự kiến năm 2010 ngành công nghiệp phát triển trở lại với tốc độ tăng trưởng ước đạt 26,7%). Tuy thấp hơn so với thời kỳ 2001-2005 và so với mục tiêu đề ra (mục tiêu 30%), nhưng vẫn có chiều hướng phát triển khá tốt.

Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng trưởng khá cao và ổn định. Mặc dù có nhiều biến động bất lợi trong nửa cuối nhiệm kỳ, nhưng nhờ đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, ứng dụng khoa học công nghệ vào lĩnh vực nông nghiệp nên tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm vẫn đạt 9,1%, vượt mục tiêu đề ra (mục tiêu 8 - 9%); trong đó, tốc độ tăng trưởng nông nghiệp là 9,1%/năm, lâm nghiệp là 5,3%, thủy sản là 17,4%. Cơ cấu nội bộ ngành nông, lâm, thủy sản có sự chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng trồng trọt và tăng dần tỷ trọng chăn nuôi, dịch vụ. Trong đó, chăn nuôi phát triển với tốc độ khá (12,5%/năm) và đã từng bước chuyển sang chăn nuôi tập trung, quy mô lớn. Hàm lượng khoa học - công nghệ và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp tăng lên. Đã hoàn thành quy hoạch 3 loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất) kết hợp với việc sắp xếp các Ban quản lý rừng. Kinh tế trang trại tiếp tục phát triển, mở rộng quy mô. Đến cuối năm 2009 đã hình thành 5.600 trang trại (tăng 671 trang trại so với năm 2005) với tổng vốn đầu tư khoảng 3.000 tỷ đồng, thu hút trên 46.000 lao động, tạo việc làm thường xuyên cho 20.900 lao động với mức thu nhập bình quân 1 triệu đồng/tháng, lao động thời vụ 1,3 triệu đồng/tháng. Kết cấu cơ sở hạ tầng nông thôn, đặc biệt là giao thông nông thôn, điện, thủy lợi, nước sinh hoạt được tăng cường và phát triển. Có 85% hộ nông thôn được sử dụng điện và nước hợp vệ sinh.

Hoạt động Thương mại - dịch vụ - du lịch tiếp tục phát triển. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 16,1% đạt kế hoạch (mục tiêu 16 - 17%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trong 5 năm ước đạt 41.081 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân hàng năm đạt 30,7%. Kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện là 1.725,2 triệu USD, đạt 109,3%, vượt mục tiêu đề ra (mục tiêu là 1.579 triệu USD), tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2006 - 2010 đạt 17,8%. Lượng khách du lịch tăng bình quân 29,3%/năm, trong đó khách quốc tế tăng 33,7%/năm, khách nội địa tăng 28,9%.

Đầu tư phát triển tăng nhanh, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng được ưu tiên và chú trọng. Xuất phát từ nhận thức của các cấp ủy Đảng là quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để làm đòn bẩy thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, trong 5 năm qua việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng luôn được ưu tiên. Tổng vốn đầu tư phát triển huy động ước đạt 24.842,9 tỷ đồng, đạt 178,3% so với mục tiêu đề ra (mục tiêu là 13.937 - 14.332 tỷ đồng). Trong đó, vốn từ khu vực nhà nước là 5.641 tỷ đồng, chiếm 22,7% (ngân sách nhà nước là 4.298 tỷ đồng, chiếm 17,3%), nguồn vốn này được tập trung cho việc phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu, quan trọng và các công trình trọng điểm.

Tài chính - tín dụng có nhiều tiến bộ. Thu ngân sách mặc dù có nhiều khó khăn nhưng vẫn đạt mục tiêu đề ra, tốc độ tăng thu bình quân hàng năm là 13,9%, năm 2010 dự kiến số thu đạt 1.960 tỷ đồng bằng 122,5% chỉ tiêu Đại hội đề ra. Tổng chi ngân sách năm 2010 ước đạt 3.267,6 tỉ đồng. Tuy còn khó khăn nhưng chi ngân sách đã tập trung ưu tiên cho đầu tư xây dựng cơ bản, bảo đảm chi thường xuyên và tăng chi cho an sinh xã hội vào cuối nhiệm kỳ. Hoạt động ngân hàng trên địa bàn có nhiều chuyển biến tích cực, đã khai thác tốt các nguồn vốn nhàn rỗi trong dân, đáp ứng kịp thời vốn cho các doanh nghiệp và nhân dân vay để phát triển sản xuất kinh doanh; nhất là thực hiện tốt chủ trương của Chính phủ cho vay hỗ trợ lãi suất chống suy giảm kinh tế trên địa bàn tỉnh. Tổng dư nợ tín dụng ước đến hết năm 2010 là 12.300 tỉ đồng. Tốc độ huy động vốn tăng bình quân hàng năm là 29,1%, tốc độ tăng dư nợ tín dụng bình quân hàng năm đạt 29,5%; ước đến năm 2010 dư nợ cho vay hỗ trợ lãi suất đạt 4.200 tỉ đồng.

Thu hút đầu tư có nhiều chuyển biến, các chính sách thu hút đầu tư được ban hành kịp thời. Số doanh nghiệp đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh đến tháng 6/2010 là 2.962 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 17.889 tỷ đồng, so với 2005, số doanh nghiệp đăng ký hoạt động tăng gấp 2,7 lần, số vốn tăng gấp 8,3 lần. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tính từ 01/01/2006 đến 30/6/2010 là 61 dự án với tổng vốn đăng ký là 521,2 triệu USD, gấp 3,8 lần về số dự án và 8 lần về số vốn đăng ký so với giai đoạn 1997-2005. Đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh bước đầu đã đạt được một số kết quả nhất định. Đến cuối tháng 6/2010, toàn tỉnh có 77 dự án với số vốn là 586,7 triệu USD.

Sắp xếp đổi mới các doanh nghiệp nhà nước đã hoàn thành theo kế hoạch

và lộ trình đề ra. Tất cả các doanh nghiệp nhà nước đã hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hay công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ.

Kinh tế tập thể tiếp tục phát triển. Ước đến cuối năm 2010 toàn tỉnh có 80 hợp tác xã với tổng vốn đăng ký 58.785 triệu đồng, thu nhập bình quân hộ xã viên hợp tác xã tăng lên qua các năm (nông nghiệp từ 200.000 - 300.000 đồng/tháng tăng lên 800.000 - 1.000.000 đồng/tháng; phi nông nghiệp từ 500.000 - 950.000 đồng/tháng lên 1.000.000 - 2.000.000 đồng/tháng).

2/ Hạn chế, yếu kém

Tăng trưởng kinh tế chưa phát huy hết khả năng hiện có, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa đạt mục tiêu đề ra. Tốc độ tăng trưởng bình quân trong 5 năm chỉ đạt mức 13,2% (kế hoạch 14%-15%) chưa đạt mục tiêu đề ra. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế giai đoạn 2006 - 2010, tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản bình quân mỗi năm chỉ giảm 1,9% (mục tiêu 2,3%); tỷ trọng công nghiệp - xây dựng bình quân mỗi năm chỉ tăng 1,2% (mục tiêu 1,8%). Trong đó:

Công nghiệp phát triển còn chậm so với dự kiến, tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 21% (kế hoạch 30%), nhiều nhà máy trọng điểm, khu công nghiệp chậm đưa vào sử dụng (xi măng, đầu tư hạ tầng khu công nghiệp...). Công nghệ sản xuất trong công nghiệp chậm đổi mới, khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp vẫn chưa cao. Việc phát triển công nghiệp chế biến và phát triển các vùng nguyên liệu chưa có sự gắn kết chặt chẽ, chưa phát huy được tiềm năng và thế mạnh của tỉnh.

Công tác quản lý bảo vệ rừng và thực hiện các dự án ổn định dân cư còn yếu kém, tình trạng lấn chiếm đất rừng vẫn còn diễn ra phức tạp. Việc xử lý vi phạm trong quản lý, bảo vệ rừng chưa kịp thời và thiếu kiên quyết. Ngành du lịch chưa khai thác được tiềm năng hiện có của địa phương. Cơ sở vật chất, nguồn nhân lực trong ngành du lịch chưa đáp ứng được nhu cầu nên chưa thu hút được nhiều khách du lịch. Kinh tế tập thể chưa được quan tâm chỉ đạo đúng mức, nên còn gặp nhiều khó khăn trong phát triển.

Xây dựng cơ bản có nơi thực hiện còn chậm; công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch chưa đáp ứng yêu cầu: bố trí tái định cư có lúc còn chông chéo, gây khó khăn cho nhân dân. Kết cấu hạ tầng tuy đã được quan tâm đầu tư bằng nhiều hình thức nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển để nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế; đặc biệt là đầu tư điện ở khu vực nông thôn, đầu tư hệ thống cấp nước, đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế... Một số công trình xây dựng có quy mô lớn, trọng tâm thiếu nguồn lực đầu tư. Thu hút đầu tư chưa tương xứng với tiềm năng, vốn FDI thực hiện chậm so với đăng ký. Tình trạng gian lận thương mại chưa được khắc phục hiệu quả.

Cơ cấu thu ngân sách chưa bền vững và chưa thật sự ổn định. Công tác dự báo và xây dựng dự toán chưa sát thực tế nên chi hàng năm đều vượt cao so với dự toán ban đầu, gây bị động trong bố trí, cân đối ngân sách.

III/ VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

1/ Thành tựu

Lĩnh vực văn hóa - xã hội và khoa học - công nghệ tiếp tục phát triển tương đối toàn diện và tương ứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế, tạo sự cân đối trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân; văn hóa dân tộc được bảo tồn và ngày càng phát huy.

Giáo dục - đào tạo có sự chuyển biến tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phát triển về quy mô và mạng lưới trường học, xóa xã trắng về mầm non và tiểu học. Chất lượng giáo dục ở các cấp học, bậc học được nâng lên; số học sinh khá, giỏi năm sau cao hơn năm trước; tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học giảm. Chương trình giáo dục, phương pháp dạy học từng bước được đổi mới. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục được kiện toàn, đội ngũ nhà giáo ngày càng được chuẩn hóa; cơ sở vật chất, trang thiết bị từng bước được đầu tư, hàng năm xây mới theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa trên 200 phòng học để xóa phòng tạm, phòng tranh tre. Công tác chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết. Phổ cập THCS ở 108/111 xã, phường, thị trấn, đạt 97,3% chỉ tiêu Nghị quyết. Chỉ cho giáo dục đạt 22,51% tổng chi ngân sách (mục tiêu 20%).

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân được quan tâm đầu tư phát triển cả chiều rộng và chiều sâu. Mạng lưới y tế được củng cố, phát triển, y tế cơ sở, y tế thôn bản, chiến lược y tế được kiện toàn theo hướng chuẩn Quốc gia. Triển khai tốt công tác phòng, chống dịch bệnh. Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh cho các đối tượng BHYT, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách khác. Mức giảm tỷ suất sinh hàng năm 0,7‰, đạt mục tiêu đề ra. Số giường bệnh ước đạt 20 giường/ vạn dân (mục tiêu 17,5 giường/ vạn dân). Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng ước còn 20% ; tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh 0,1%, đạt mục tiêu đề ra và giảm so với nhiệm kỳ trước. Đã xây dựng mới và đưa vào sử dụng Bệnh viện Đa khoa các huyện: Chơn Thành, Đồng Phú, Lộc Ninh, thị xã Bình Long và dự án nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh. Các hoạt động xã hội hóa bước đầu đã huy động nhiều nguồn lực đầu tư cho phát triển các loại hình chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị và nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của nhân dân trong tỉnh. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” có bước phát triển mới, 96% số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “gia đình văn hóa” (mục tiêu 88%); 85% khu dân cư đạt tiêu chuẩn khu dân cư văn hóa, khu dân cư tiên tiến đạt mục tiêu đề ra; 98% cơ quan, công sở đạt tiêu chuẩn “văn minh, an toàn, sạch đẹp” (mục tiêu 95%). Hoạt động văn hóa cơ sở được tổ chức rộng khắp, 100% thôn, ấp đồng bào dân tộc có nhà văn hóa cộng đồng, đạt mục tiêu đề ra; hoạt động biểu diễn nghệ thuật ngày càng có nhiều

khởi sắc. Công tác bảo tồn, bảo tàng và phát huy giá trị di sản văn hóa được quan tâm. Các chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa triển khai thực hiện có hiệu quả. Thực hiện tốt mô hình phòng chống bạo lực gia đình. Phong trào thể dục, thể thao ngày càng phát triển sâu rộng; duy trì các giải thể thao truyền thống của tỉnh hàng năm, đặc biệt là giải vô địch Việt dã leo núi toàn quốc “Chinh phục đỉnh cao Bà Rá” và các giải theo hệ thống thi đấu Quốc gia. Thể thao thành tích cao đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Hoạt động thông tin - truyền thông đã góp phần quan trọng trong việc phổ biến thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Mạng lưới bưu chính, viễn thông được mở rộng đã cung cấp đa dạng các dịch vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của người dân. Đến nay đã phủ sóng bảo đảm 100% hộ gia đình nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam, xem được Đài Truyền hình Việt Nam và tiếp cận nhiều thông tin định hướng từ các kênh thông tin chính thức trong tỉnh. Bình quân số máy điện thoại đạt 136,2 máy trên 100 dân, vượt chỉ tiêu Nghị quyết (23-24 máy điện thoại trên 100 dân).

Công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách đã được các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và các tổ chức quần chúng thường xuyên quan tâm. Các phong trào chăm sóc thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ và người có công được phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Đã quy tập đưa về nghĩa trang liệt sĩ được 1.038 hài cốt liệt sĩ. Các chương trình đảm bảo an sinh xã hội được triển khai thực hiện có hiệu quả như: hỗ trợ xây dựng nhà tình thương cho hộ nghèo giai đoạn 2006 - 2010, toàn tỉnh xây dựng được 5.916 căn với tổng kinh phí là 68.365.000.000 đồng. Đến 2010, Chương trình 167 sẽ hỗ trợ hộ nghèo về xây dựng nhà ở 2.705 căn; hỗ trợ cho 9.691 học sinh, sinh viên vay vốn chương trình tín dụng với tổng dư nợ là 106.558 triệu đồng; trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng cho 32.592 lượt đối tượng bảo trợ xã hội 55.573 triệu đồng, nuôi dưỡng tập trung 193 lượt đối tượng; cấp miễn phí thẻ BHYT cho 32.785 lượt đối tượng; cứu trợ đột xuất cho 106.555 lượt người, 20.460 triệu đồng.

Công tác dân tộc, tôn giáo được quan tâm và có nhiều chuyển biến tích cực. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX về công tác dân tộc, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động để chỉ đạo việc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết của Trung ương trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên tập trung mọi nguồn lực đầu tư để thực hiện tốt các chương trình 134, 135, chương trình định canh định cư, chương trình trợ giá, trợ cước và chương trình dạy nghề, giải quyết việc làm cho con em đồng bào dân tộc. Qua đó đã thúc đẩy nhanh xây dựng hạ tầng kinh tế, văn hóa, xã hội, đầu tư phát triển sản xuất, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo để nâng cao mức sống của đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là đồng bào dân tộc các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới. Đến nay đã đưa 25/43 xã ra khỏi danh sách xã đặc biệt khó khăn, tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo giảm từ 23,6% năm 2005 đến nay còn 16,5%.

Công tác tôn giáo được cấp ủy và chính quyền các cấp quan tâm phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Đã hoàn thành mục tiêu tạo việc làm trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Các mô hình tạo việc làm cho người lao động phát triển phong phú, đa dạng. Số lao động được giải quyết việc làm trong 5 năm qua là 131.562 lao động, vượt 5,2% chỉ tiêu Nghị quyết; duy trì tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị mức 3,5% và duy trì tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn trên 90%. Công tác đào tạo nghề từng bước đã gắn với nhu cầu thị trường lao động, nhờ đó đã thu hút được nhiều lao động tham gia học nghề. Ước thực hiện đến cuối năm 2010, đào tạo nghề cho 26.737 lao động, đạt 190,2%; tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đến năm 2010 đạt 28%, đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết. Hệ thống mạng lưới cơ sở dạy nghề đang được quy hoạch lại, hiện toàn tỉnh có 14 cơ sở dạy nghề, tăng 03 cơ sở so với giai đoạn 2001 - 2005.

Chương trình xoá đói, giảm nghèo đã được các ngành, các cấp quan tâm triển khai thực hiện tốt. Qua 5 năm tổ chức triển khai chương trình, toàn tỉnh giảm được 17.371 hộ nghèo, đạt 131,1% so với kế hoạch, đưa tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 9,9% (đầu năm 2006) ước xuống còn 4% vào cuối năm 2010, về trước 1 năm so với kế hoạch.

Hoạt động khoa học - công nghệ đã đạt được một số kết quả nhất định, góp phần tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ cập kiến thức khoa học và công nghệ ngày càng được đẩy mạnh. Việc chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất đã được chú trọng và mang lại hiệu quả kinh tế nhất định; ước đến năm 2010, có từ 60 - 70% đề tài nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ được ứng dụng hiệu quả vào sản xuất và đời sống, đạt mục tiêu đề ra.

Đã có sự chuyển biến tích cực trong công tác quản lý, bảo vệ môi trường. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị và cụ thể hoá Chương trình hành động của Chính phủ về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về vệ sinh môi trường. Hàng năm đều xây dựng báo cáo lưu trữ thông tin, dữ liệu về môi trường công nghiệp và đô thị, môi trường nông nghiệp, hiện trạng rừng, thiên tai và sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thanh tra, kiểm tra xử lý kịp thời đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

2/ Hạn chế, yếu kém

Hiệu quả và chất lượng giáo dục ở vùng sâu, vùng xa chưa cao. Phương pháp dạy học chậm đổi mới. Đầu tư cho giáo dục trên các lĩnh vực chưa đồng bộ. Một bộ phận giáo viên trình độ chuyên môn, nghiệp vụ còn hạn chế; thiếu giáo

viên các môn khoa học tự nhiên. Nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng được nhu cầu, nhất là ngành học mầm non. Công tác quản lý giáo dục ở một số nơi còn yếu kém. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia còn thấp, toàn tỉnh có 25 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 6,3% (mục tiêu 30%). Chưa có huyện, thị nào trong tỉnh đạt chuẩn phổ cập trung học phổ thông (mục tiêu là 2/8 huyện, thị). Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được huy động ra lớp (bậc tiểu học) đạt 94% (mục tiêu 98,5%). Tỷ lệ học sinh bỏ học hàng năm tuy có giảm nhưng vẫn cao so với các tỉnh, thành trong khu vực và cả nước.

Chất lượng khám chữa bệnh tuy đã được nâng lên nhưng mới chỉ giải quyết được một phần nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân. Tinh thần phục vụ bệnh nhân của một số y, bác sỹ, nhân viên chưa tốt. Năng lực hệ thống y tế dự phòng còn hạn chế cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị và chuyên môn, nghiệp vụ. Công tác quản lý nhà nước về vệ sinh, an toàn thực phẩm chưa được quan tâm đúng mức, ở một số nơi còn buông lỏng. Dân số vẫn có xu hướng tăng nhanh. Tình trạng sinh con thứ ba trở lên và nạo hút thai vẫn còn nhiều. Đã xuất hiện tình trạng mất cân bằng giới tính. Ngân sách chi cho sự nghiệp y tế vẫn còn ở mức thấp (4,29% tổng chi của tỉnh). Số bác sỹ trên 01 vạn dân ước 5,7 (mục tiêu 7,5); tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ ước đạt 53% (mục tiêu 100%), đều chưa đạt mục tiêu đề ra.

Hệ thống thiết chế văn hóa, nhất là ở cơ sở còn nhiều bất cập về cơ sở vật chất, quản lý và điều hành nên việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và phục vụ văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao còn gặp nhiều khó khăn. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” một số nơi hoạt động còn hình thức. Hoạt động nhà văn hóa cộng đồng thôn, ấp, khu phố chưa được phát huy tốt. Việc xây dựng Đề án phát triển thể dục thể thao xã, phường, thị trấn đến năm 2010 chậm. Một bộ phận cán bộ quản lý, hoạt động chuyên môn thiếu năng động, sáng tạo; cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao ở cơ sở thiếu ổn định. Nhiều chỉ tiêu trên lĩnh vực văn hoá, thể thao chưa đạt theo Nghị quyết đề ra như: Chỉ tiêu hoàn thành công viên văn hoá, nhà bảo tàng; 100% huyện thị có trung tâm văn hoá, thể thao, nhà thiếu nhi; 100% thôn, ấp, xã, phường, thị trấn có mặt bằng luyện tập TDTT.

Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thông tin - truyền thông còn hạn chế, nhất là việc quản lý hoạt động Internet. Kế hoạch phát triển dịch vụ mới, các dịch vụ giá trị gia tăng tới các bưu cục cấp III, bưu điện Văn hóa xã, đại lý bưu điện chưa được đầu tư thỏa đáng; cơ sở hạ tầng phục vụ bưu chính còn lạc hậu, việc triển khai các công nghệ mới, ứng dụng khoa học công nghệ vào khai thác các dịch vụ bưu chính còn chậm. Ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế; dự án đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin triển khai chậm.

Công tác dân tộc, tôn giáo còn nhiều hạn chế. Kết cấu hạ tầng cơ sở vùng đồng bào dân tộc chưa đáp ứng yêu cầu, một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn về việc làm, thu nhập nhưng chưa có ý thức tự vươn lên; tỷ lệ hộ nghèo còn cao, trình độ dân trí còn thấp.

Đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo nhìn chung còn thiếu về số lượng, hạn chế về năng lực, trình độ chuyên môn, nhất là năng lực quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo.

Chưa xây dựng được các hình thức và giải pháp về huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực theo hướng xã hội hóa để giải quyết các vấn đề xã hội. Đời sống một bộ phận đối tượng chính sách, người có công với cách mạng, người già cô đơn, người tàn tật, trẻ em mồ côi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và một số lao động trong doanh nghiệp, trang trại, lao động ở vùng nông thôn, các hộ gia đình trong vùng giải tỏa còn nhiều khó khăn. Công tác phối hợp lồng ghép các hoạt động của các ngành, đoàn thể với các chương trình mục tiêu quốc gia trong kế hoạch hoạt động hàng năm chưa tốt.

Chuyển dịch cơ cấu lao động còn chậm, khả năng tiếp cận thị trường và cạnh tranh của lao động còn yếu, thiếu lao động có kỹ thuật, lao động lành nghề. Thông tin về thị trường lao động - việc làm còn yếu, số lao động nhàn rỗi và thiếu việc làm trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều. Hoạt động hỗ trợ trực tiếp tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm chưa hiệu quả, chưa đáp ứng yêu cầu, vẫn còn ách tắc vốn, cho vay sai đối tượng. Tốc độ xã hội hóa dạy nghề chậm so với tiềm năng. Chất lượng đào tạo nghề còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất và thị trường lao động, chưa đào tạo được đội ngũ lao động có năng lực, có trình độ chuyên môn kỹ thuật và tay nghề cao. Tỷ lệ lao động qua đào tạo thấp hơn nhiều so với khu vực và cả nước.

Công tác xóa đói, giảm nghèo chưa bền vững, khoảng cách giàu nghèo đang có xu hướng gia tăng giữa khu vực thành thị và nông thôn; khu vực xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc. Chưa quan tâm sâu sát đến việc hướng dẫn sử dụng vốn có hiệu quả và định hướng sản xuất, kinh doanh cho các hộ nghèo. Việc lồng ghép một số chương trình, dự án tham gia mục tiêu giảm nghèo thiếu đồng bộ, còn nhiều lúng túng dẫn đến hiệu quả thấp.

Việc ứng dụng và nhân rộng các kết quả nghiên cứu khoa học còn chậm, hiệu quả còn hạn chế, chưa tương xứng với kết quả nghiên cứu khoa học. Kinh phí đầu tư cho sự nghiệp khoa học và chỉ cho nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ thấp. Chất lượng nguồn nhân lực khoa học - công nghệ của tỉnh chưa đủ sức đáp ứng nhu cầu phát triển. Hạ tầng khoa học và công nghệ còn lạc hậu. Thiếu sự gắn kết hữu cơ giữa Nhà nước - nhà khoa học - nhà nông - nhà doanh nghiệp.

Nhận thức về công tác bảo vệ môi trường trong cộng đồng nói chung, đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ nói riêng còn thấp. Công tác quản lý nhà nước về môi trường còn nhiều hạn chế, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý môi trường thiếu thốn; kinh phí dành cho sự nghiệp quản lý môi trường thấp. Vẫn còn nhà máy, trang trại chăn nuôi nằm xen kẽ trong các khu dân cư; trong các khu công nghiệp thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường chưa nghiêm túc.

Tình trạng ô nhiễm môi trường gia tăng, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống và sức khỏe của người dân.

III/ QUỐC PHÒNG - AN NINH - NỘI CHÍNH

1/ Thành tựu

Tổ chức triển khai có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương về chiến lược an ninh quốc gia, chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; tăng cường xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện; chú trọng cải cách tư pháp và thực hiện Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm; tăng cường phối hợp giữa các ngành, các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Giữ vững quốc phòng - an ninh và ổn định tuyến biên giới.

Về quốc phòng, an ninh: Công tác xây dựng lực lượng vũ trang và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở được quan tâm. Tỷ lệ thanh niên nhập ngũ hàng năm đều đạt 100% chỉ tiêu, trong đó tỷ lệ đảng viên, đoàn viên nhập ngũ ngày càng tăng. Lực lượng vũ trang không ngừng được củng cố, kiện toàn cả về số lượng, chất lượng; trình độ sẵn sàng chiến đấu được nâng cao và trưởng thành về mọi mặt, hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ. Tăng cường công tác đối ngoại giữa chính quyền, lực lượng vũ trang của tỉnh với các tỉnh giáp biên và phối hợp tốt với các đơn vị đứng chân trên địa bàn nhằm đảm bảo an ninh chính trị và trật tự xã hội trên tuyến biên giới. Nâng cao tinh thần cảnh giác của đội ngũ cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân trước âm mưu “Diễn biến hòa bình”, “Bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch; nền quốc phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, khu vực phòng thủ luôn được củng cố và phát triển.

Về công tác nội chính: Công tác phòng ngừa, đấu tranh, xử lý các loại tội phạm và tệ nạn xã hội được các cơ quan tố tụng, các ngành chức năng phối hợp tương đối có hiệu quả. Triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu “5 giảm” trên địa bàn đã góp phần giảm đáng kể phạm pháp hình sự, tai nạn giao thông; tệ nạn xã hội được kiềm chế.

Mặt trận phòng, chống tham nhũng và công tác đấu tranh xử lý tội phạm về tham nhũng được quan tâm đẩy mạnh. Việc quán triệt Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí được triển khai nghiêm túc. Công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí đã chuyển biến và đạt kết quả tích cực trên cả hai mặt phòng và chống; nhất là trên một số lĩnh vực như quản lý tài sản công, chỉ tiêu thường xuyên bằng vốn ngân sách, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cấp quyền sử dụng đất...đã có bước tiến bộ. Đặc biệt, tỉnh đã xây dựng được đội ngũ cộng tác viên phòng chống tham nhũng hoạt động có hiệu quả. Cơ quan tư pháp có nhiều chuyển biến trong công tác tham mưu cho cấp uỷ, phối hợp tốt với chính quyền các cấp và

các cơ quan tuyên truyền, các tổ chức chính trị, xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân; công tác trợ giúp pháp lý cho người nghèo và thực hiện các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới được quan tâm. Thực hiện tốt công tác cải cách tư pháp theo Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị; công tác xét xử, kiểm sát, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp dân được coi trọng, tiến hành theo đúng quy trình, quy định của pháp luật; công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án được thực hiện nghiêm túc.

2/ Hạn chế, yếu kém

Một số cán bộ đảng viên, nhân dân còn mất cảnh giác trước âm mưu “Diễn biến hòa bình”, “Bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch. Công tác phòng ngừa chưa được quan tâm thường xuyên. Kết quả thực hiện mục tiêu “5 giảm” tuy được kiềm chế và giảm ở một số mặt nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Tệ nạn cờ bạc, ma túy, tai nạn giao thông có chiều hướng gia tăng. Công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ chưa chặt chẽ. Một số ngành, địa phương quán triệt chưa sâu việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế xã hội với quốc phòng an ninh và đối ngoại, đầu tư cho khu vực phòng thủ của tỉnh còn hạn chế.

Tình hình tham nhũng, lãng phí vẫn chưa được đẩy lùi, còn tiềm ẩn và diễn biến phức tạp trên nhiều lĩnh vực, có vụ việc giải quyết còn kéo dài. Một số cơ quan tư pháp còn nhiều yếu kém. Công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật tuy được đẩy mạnh nhưng hiệu quả còn thấp. Công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với một số vụ án hình sự, kinh tế, ma túy có vụ việc chưa kịp thời, tác dụng giáo dục răn đe còn hạn chế. Giải quyết và thi hành án dân sự còn nhiều vụ việc tồn đọng. Đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân còn nhiều, tuy đã được quan tâm giải quyết với tỷ lệ cao, nhưng vẫn còn nhiều vụ phức tạp chưa được giải quyết dứt điểm, còn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm nên dẫn đến khiếu kiện đông người, vượt cấp.

IV/ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI

1/ Thành tựu

Trong những năm qua, công tác đối ngoại đã có nhiều tiến bộ. Quan hệ hợp tác, hoạt động giao lưu hữu nghị với các tỉnh giáp biên giới thuộc Campuchia và một số tỉnh phía Nam của Lào không ngừng được củng cố, tăng cường; thường xuyên giữ mối quan hệ hữu nghị, tìm hiểu tiềm năng của mỗi nước nhằm ký kết hợp tác, xúc tiến đầu tư, hỗ trợ nhau cùng phát triển. Nhờ có mối quan hệ tốt đẹp đó, công tác đối ngoại của tỉnh đã có được những thuận lợi nhất định, đặc biệt trong công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh trên chiến trường Campuchia đưa về nước; đồng thời thực hiện tốt nhiệm vụ do Chính phủ giao về phân giới cắm mốc tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc địa bàn tỉnh. Tăng cường giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh của tỉnh thông qua các chuyến viếng thăm, chào xã giao và xúc tiến hợp tác kinh tế của các đoàn

khách quốc tế, các nhà đầu tư. Đảm bảo triển khai, sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích các nguồn vốn ODA, FDI trên địa bàn.

Công tác đối ngoại đã góp phần thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước, trong tình mở rộng đầu tư sản xuất, kinh doanh tại Campuchia, Lào và nhiều nước, vùng lãnh thổ khác trên thế giới; đồng thời hỗ trợ nhân dân nước bạn ở khu vực biên giới phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo.

2. Hạn chế, yếu kém

Công tác thông tin đối ngoại còn hạn chế. Công tác người Việt Nam ở nước ngoài tại tỉnh chưa phát huy vai trò là “cầu nối” hữu nghị để chăm lo bảo vệ quyền lợi cho người dân của tỉnh đang sống tại nước ngoài, chưa làm tốt công tác vận động kiều bào hướng về quê hương, đóng góp xây dựng tỉnh nhà; chưa phát huy tốt công tác đối ngoại nhân dân với các tỉnh thuộc Campuchia giáp biên giới với Bình Phước. Việc thực hiện thủ tục hành chính cho người đi nước ngoài có nơi, có lúc còn phiền hà.

V/ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1/ Thành tựu

1.1. Công tác xây dựng Đảng tiếp tục được tăng cường và đạt kết quả khả quan cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Công tác giáo dục lý luận chính trị, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục truyền thống cách mạng từng bước đổi mới về nội dung và phương pháp, gắn lý luận với thực tiễn, phù hợp với từng đối tượng, góp phần quan trọng nâng cao trình độ lý luận chính trị, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng; tăng cường sự gắn bó giữa nhân dân với cấp ủy và chính quyền các cấp. Việc triển khai học tập Nghị quyết được đổi mới theo hướng tăng cường vai trò, trách nhiệm của Bí thư cấp ủy và làm rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị quyết; xác định trọng tâm, trọng điểm, những nội dung mới, thiết thực, phù hợp với tình hình, nhiệm vụ của địa phương, đơn vị.

Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” được triển khai nghiêm túc, góp phần quan trọng nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện, ngăn chặn sự suy thoái đạo đức lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, sự cần thiết phải học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh được nâng lên. Về hành động làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh có chuyển biến tích cực, đã xuất hiện nhiều tập thể, cá nhân điển hình trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên bước đầu được phát huy theo phương châm “*Trong trước, ngoài sau; trên trước, dưới sau*”.

Công tác tổ chức cán bộ được quan tâm củng cố kiện toàn, từng bước được cải tiến, tạo bước đột phá trong công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ và tập trung xây

dựng, củng cố hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở. Đội ngũ cán bộ, đảng viên phát triển cả về số lượng và chất lượng. Toàn đảng bộ hiện có 21.251 đảng viên với 20 Đảng bộ trực thuộc và 668 tổ chức cơ sở đảng. Về chất lượng, có 78,12% tổ chức cơ sở đảng hàng năm đạt trong sạch vững mạnh; 84,4% đảng viên đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Phát triển 6.522 đảng viên mới, vượt 63,1% so chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Công tác luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ thực hiện đúng quy trình, thủ tục, công khai. Đại đa số cán bộ được đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển đã phát huy tốt năng lực, sở trường của mình. Công tác quy hoạch đào tạo đảm bảo đúng quy trình, chất lượng và ngày càng đi vào nề nếp. Thực hiện chương trình đột phá về đào tạo, thu hút nguồn nhân lực trong nhiệm kỳ, tỉnh đã cử 13.251 đồng chí trong nguồn quy hoạch đi đào tạo, bồi dưỡng. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chính sách cán bộ được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng nguyên tắc, quy định.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, cấp ủy đảng, ủy ban kiểm tra các cấp đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát toàn khóa làm cơ sở để hàng năm triển khai thực hiện; thường xuyên quán triệt Nghị quyết, Điều lệ Đảng và các văn bản hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng. Nội dung kiểm tra, giám sát luôn bám sát chương trình kiểm tra, giám sát của Trung ương, các nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và được xây dựng phù hợp với tình hình đặc điểm của địa phương, đơn vị. Trong đó, trọng tâm là kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng, các Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, củng cố hệ thống chính trị, công tác xây dựng Đảng. Đến tháng 6/2010, cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp đã thực hiện giám sát 13.197 đảng viên, 1.459 tổ chức đảng; kiểm tra chấp hành đối với 3.674 đảng viên, 1.035 tổ chức đảng cấp dưới; xử lý 10 tổ chức đảng và 676 đảng viên vi phạm kỷ luật (trong số đảng viên vi phạm kỷ luật có 152 trường hợp do chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước không nghiêm; 147 trường hợp do thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực hiện chức trách nhiệm vụ; 119 trường hợp do vi phạm phẩm chất đạo đức lối sống; 103 trường hợp do cố ý làm trái qui định và 18 trường hợp do tham nhũng); kiểm tra 348 đảng viên và 22 tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra 588 tổ chức đảng trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra; kiểm tra 184 tổ chức đảng cấp dưới trong việc thi hành kỷ luật trong Đảng; giải quyết đơn tố cáo 290 trường hợp. Kết quả kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, phát hiện và ngăn ngừa vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên; xử lý kịp thời, nghiêm minh những trường hợp vi phạm; phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương, góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng, củng cố và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng; giáo dục đảng viên phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị được giao.

Công tác vận động quần chúng tiếp tục có những chuyển biến tốt. Nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác

dân vận được nâng lên. Công tác dân vận đã bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khoá VIII, tập trung tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Vai trò tham mưu của hệ thống dân vận ngày càng hiệu quả, hướng mạnh về cơ sở, từng địa bàn dân cư. Qua thực tiễn, ngày càng xuất hiện nhiều cách làm hay, mô hình mới, có sức lan toả, tạo được sự đồng thuận cao trong các tầng lớp nhân dân, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội. Chất lượng các cuộc vận động, phong trào hành động cách mạng của quần chúng có sự chuyển biến tích cực, ngày càng đi vào chiều sâu. Đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận đã trưởng thành về mọi mặt, ngày càng thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, nhất là trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra.

1.2. Công tác xây dựng chính quyền có nhiều chuyển biến tích cực.

Tổ chức và hoạt động của HĐND các cấp được kiện toàn, từng bước hoàn thiện và nâng cao chất lượng. HĐND các cấp đã thực hiện tốt chức năng quyết định các vấn đề quan trọng ở địa phương. Các Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành đều đảm bảo cụ thể hoá được nghị quyết của cấp ủy Đảng; nghị quyết của Quốc hội, UBTVQH; các nghị định, quyết định, chỉ thị của Chính phủ; sát với tình hình thực tế ở địa phương, đảm bảo tính khả thi và được nhân dân đồng tình ủng hộ. Hoạt động giám sát của HĐND các cấp được tăng cường hơn, với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của HĐND.

Công tác lãnh đạo, điều hành của UBND các cấp có nhiều chuyển biến tích cực; bộ máy hành chính các cấp được củng cố, hoàn thiện; công tác cải cách hành chính thu được nhiều kết quả; tích cực thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo Đề án 30 và các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI); áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào quản lý Nhà nước trên một số lĩnh vực; công khai các thủ tục hành chính, thực hiện tốt các dịch vụ hành chính công để tạo thuận lợi hơn nữa cho người dân và doanh nghiệp. Công tác tiếp dân giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được chú trọng và có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được chú trọng, kịp thời đến với người dân bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú.

1.3. Hoạt động của MTTQ, các đoàn thể nhân dân đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh.

Nhiệm kỳ qua, bằng nhiều hình thức hoạt động đa dạng, phong phú, MTTQ, các đoàn thể nhân dân đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhằm tập hợp các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia, hưởng ứng Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” và đưa các nghị quyết, chương trình

hành động đi vào cuộc sống; đã phát huy tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy và tham gia công tác xây dựng Đảng, chính quyền; phối hợp với các cấp chính quyền để cụ thể hóa các nội dung của nghị quyết và chương trình hành động đến với đoàn viên, hội viên, quần chúng nhân dân; tích cực triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và bước đầu phát huy được vai trò phản biện xã hội.

Với phương châm hướng về cơ sở, MTTQ, các đoàn thể nhân dân đã chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên; phân công cán bộ bám sát địa bàn, phụ trách khu dân cư để cùng tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc mà thực tiễn cuộc sống đặt ra. MTTQ, các đoàn thể nhân dân ngày càng trở thành nòng cốt trong các phong trào cách mạng và xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Qua đại hội nhiệm kỳ, năng lực công tác, trình độ chuyên môn và chất lượng đội ngũ cán bộ của MTTQ, các đoàn thể nhân dân được nâng lên; vị trí, vai trò của MTTQ, các đoàn thể nhân dân đã được khẳng định và không ngừng phát huy; nội dung và phương thức hoạt động được đổi mới.

Đến hết năm 2009, MTTQ và các đoàn thể nhân dân đã vận động được 78,2% lực lượng quần chúng tham gia vào các tổ chức và có 90,2% tổ chức cơ sở đạt khá trở lên.

2/ Hạn chế, yếu kém

2.1. Công tác xây dựng Đảng còn một số mặt chưa đáp ứng với yêu cầu đề ra.

Tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân vẫn còn một số băn khoăn, lo lắng trước những vấn đề bức xúc của xã hội; đặc biệt là tình trạng tham nhũng, lãng phí, sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một số cán bộ, đảng viên. Chuyển biến về hành động làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ở một số địa phương, đơn vị chưa thực sự rõ nét, chưa có những mô hình thực sự tốt, cách làm hay để nhân rộng. Việc đổi mới nội dung, phương pháp công tác tư tưởng còn chậm so với yêu cầu nhiệm vụ mới. Công tác phát triển đảng viên mới trong vùng nông thôn, trong doanh nghiệp tư nhân còn nhiều khó khăn, hạn chế, có nơi chưa chú trọng chất lượng. Công tác quản lý đảng viên có mặt còn bất cập. Chất lượng sinh hoạt chi bộ ở một số cơ sở đảng chưa cao. Công tác quy hoạch cán bộ còn khép kín, chưa đảm bảo phương châm “động và mở”, chưa gắn kết chặt chẽ giữa công tác quy hoạch, đào tạo với các khâu trong công tác cán bộ. Việc chuẩn hóa cán bộ theo Quyết định 132-QĐ/TU của Tỉnh ủy chưa đạt yêu cầu, nhất là đối với cấp xã. Ban hành chế độ cho cán bộ luân chuyển, điều động còn chậm. Công tác đánh giá cán bộ ở một số nơi còn mang tính hình thức, chưa phản ánh đúng thực chất về năng lực, trình độ, phẩm chất của cán bộ và đảng viên. Một số cấp ủy, nhất là cấp cơ sở thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên, chưa xác định rõ nội dung trọng tâm, trọng điểm. Tình trạng mất đoàn kết nội bộ, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, che giấu vi phạm, thiếu tính chiến đấu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực còn diễn ra ở một số đơn vị, nhất là trong quản lý đất đai, bảo vệ rừng.

Một số cấp uỷ đảng chưa quan tâm sâu sát công tác dân vận, còn xem nhẹ hoặc hành chính hoá công tác dân vận.

2.2. Công tác xây dựng chính quyền tuy có nhiều tiến bộ nhưng vẫn còn nhiều mặt hạn chế.

Điều kiện hoạt động của đại biểu HĐND còn thấp, nhất là đại biểu ở cấp huyện và cấp xã. Hoạt động quản lý Nhà nước của UBND cấp cơ sở còn nhiều bất cập; kỷ luật, kỷ cương hành chính chưa nghiêm. Công tác cải cách thủ tục hành chính còn chậm; công tác tiếp công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo vẫn còn tồn đọng. Một số cán bộ, công chức nhất là ở cơ sở còn thiếu trách nhiệm trước dân, năng lực chuyên môn hạn chế; chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ, gây phiền hà, sách nhiễu dân. Đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất, điều kiện phương tiện làm việc ngành Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân còn thiếu và chưa đáp ứng theo yêu cầu cải cách tư pháp. Số vụ án đưa ra xét xử lưu động để răn đe còn ít. Xử lý và thi hành án dân sự còn nhiều vụ việc tồn đọng.

2.3. Hoạt động của MTTQ, các đoàn thể nhân dân còn một số mặt hạn chế.

Công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên chưa thường xuyên. Nội dung và phương thức hoạt động của MTTQ, các đoàn thể nhân dân ở một số nơi chưa đạt hiệu quả cao, còn thiếu tính chủ động, lúng túng trong việc tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các phong trào, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; vai trò giám sát và phản biện xã hội chưa được phát huy một cách hiệu quả.

VI/ ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

Nhiệm kỳ qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết, thống nhất, nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, thử thách do tác động của suy thoái kinh tế thế giới, tình hình thiên tai, dịch bệnh và những hạn chế của một nền kinh tế có trình độ thấp, phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII đạt kết quả quan trọng. Việc thực hiện đồng bộ 5 Chương trình đột phá đã thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh có bước phát triển mới và chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao hơn so với nhiệm kỳ trước. Kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; chất lượng tăng trưởng trong nhiều ngành, lĩnh vực đã có sự cải thiện. Các yếu tố đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường được quan tâm. Văn hoá - xã hội có tiến bộ trên nhiều lĩnh vực và phát triển tương đối toàn diện. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong tỉnh tiếp tục được cải thiện và nâng cao. Hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp được tăng cường và phát huy. Khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng được củng cố. Chính trị ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác xây dựng Đảng gắn với Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” có nhiều chuyển biến tích cực. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng tiếp tục được nâng cao. Phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ

đảng không ngừng được đổi mới, các cấp ủy đã cụ thể hoá các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh uỷ về công tác xây dựng Đảng bằng các chương trình, kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện. Việc thực hiện dân chủ trong Đảng và trong xã hội có nhiều tiến bộ. Đại đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng. Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy tiếp tục được giữ vững. Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường. Việc xử lý đảng viên vi phạm được thực hiện nghiêm túc.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được trong 5 năm qua chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của tỉnh. Các chương trình đột phá là động lực quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ cơ bản của Nghị quyết Đại hội VIII nhưng việc tổ chức thực hiện một số chương trình chưa thật sự hiệu quả. Một số chỉ tiêu, nhiệm vụ trong 5 chương trình đột phá thực hiện còn chậm hoặc chưa đạt yêu cầu đề ra. Năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của một số ngành, lĩnh vực trong sản xuất, kinh doanh còn hạn chế. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Trình độ phát triển kinh tế và công nghệ còn thấp. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng nhu cầu phát triển. Một số vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết có hiệu quả; đầu tư phát triển văn hoá chưa được quan tâm đúng mức. Cải cách thủ tục hành chính tuy có nhiều tiến bộ nhưng chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế Quốc tế. Một bộ phận cán bộ công chức còn yếu về trình độ và năng lực, nhất là đội ngũ cán bộ ở cơ sở. Vai trò giám sát và phản biện xã hội của MTTQ, các đoàn thể nhân dân còn hạn chế. Năng lực lãnh đạo của một số tổ chức đảng còn nhiều mặt chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

VII/ NGUYÊN NHÂN

1/ Nguyên nhân của những thành tựu

Đạt được những thành tựu nêu trên là nhờ đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng. Sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương; sự hỗ trợ hiệu quả của các tỉnh, thành bạn và sự kế thừa thành quả của các nhiệm kỳ trước... Sự đoàn kết thống nhất và lãnh đạo năng động, sâu sát của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, cấp ủy các cấp. HĐND các cấp đã kịp thời cụ thể hoá các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Nhiều chương trình đột phá được tập trung triển khai thực hiện khá hiệu quả, đã có tác động tốt đến sự phát triển của tỉnh và đáp ứng được nguyện vọng nhân dân. Các cấp chính quyền điều hành năng động, sáng tạo, kiên quyết, chặt chẽ, đúng chủ trương đường lối, chính sách. MTTQ, các đoàn thể nhân dân đã tích cực xây dựng và phát huy vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân. Đặc biệt là những đóng góp to lớn của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong toàn tỉnh trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tỉnh đã phát huy được thế mạnh, tiềm năng trên các lĩnh vực, nhất là các tiềm năng trong lĩnh vực nông nghiệp, đất đai, nguồn nhân lực.

2/ Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

2.1. Nguyên nhân khách quan.

Do tác động của mặt trái cơ chế thị trường, cùng với sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, nhất là trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa đã tác động nhiều mặt đến công tác xây dựng đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Từ các năm 2008-2009, lạm phát cao đột biến và suy thoái kinh tế toàn cầu làm ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế cả nước nói chung và tỉnh Bình Phước nói riêng. Mặt khác, do xuất phát điểm kinh tế của tỉnh còn thấp, nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế (ước năm 2010, tỷ trọng ngành nông, lâm thủy sản còn chiếm đến 47,1%) nên phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên và giá cả trên thị trường.

2.2. Nguyên nhân chủ quan.

Việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng mặc dù được chú trọng nhưng nguồn lực có hạn nên chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc đầu tư phát triển hệ thống y tế, giáo dục, khoa học, văn hóa còn thiếu quy hoạch, thiếu cơ chế chính sách phù hợp, chậm và thấp so với nhu cầu. Công tác xã hội hóa các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm, chú trọng nhưng chưa xây dựng được các hình thức và giải pháp về huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực theo hướng xã hội hóa để giải quyết các vấn đề xã hội.

Một số cấp ủy đảng chưa nhận thức đầy đủ và sâu sắc vị trí then chốt của công tác xây dựng Đảng, vì vậy tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết về công tác xây dựng Đảng chưa nghiêm túc; công tác tư tưởng, tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân đặc biệt là tuyên truyền về âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch chưa được tổ chức thường xuyên, sâu rộng. Một số cấp ủy chưa quan tâm đúng mức đến công tác cán bộ; chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc vai trò của công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; sự phối hợp trong kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên, đồng bộ; còn buông lỏng công tác quản lý giáo dục đảng viên, chế độ sinh hoạt thực hiện chưa nghiêm, giám sát chưa chặt chẽ, chậm phát hiện vi phạm của đảng viên để giáo dục và xử lý.

Một số tổ chức, đơn vị chưa thực hiện tốt quy chế dân chủ, chưa phát huy vai trò quần chúng trong công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí; việc tổ chức thực hiện đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt hiệu quả cao.

Có nơi, có lúc cấp ủy đảng chưa thật sự nhận thức đầy đủ về vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, hiệu quả hoạt động của HĐND ở một số nơi chưa cao; một số đại biểu sau khi được bầu vào HĐND không nhiệt tình, tâm huyết và chưa làm tốt vai trò của người đại biểu.

Trong quá trình quản lý, điều hành, công tác chỉ đạo của chính quyền đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nội chính có lúc chưa theo kịp tình hình. Ý thức chấp hành chỉ đạo của một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND chưa thực sự nghiêm túc. Lãnh đạo một số sở, ban, ngành; UBND

huyện, thị xã; xã, phường, thị trấn chưa nhận thức đúng về cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” nên chưa quyết tâm trong thực hiện cải cách thủ tục hành chính.

Một số nơi cấp ủy, chính quyền thiếu quan tâm đến công tác cán bộ cũng như hoạt động của MTTQ, các đoàn thể nhân dân. MTTQ, các đoàn thể nhân dân có lúc chưa chủ động trong dự báo tình hình, chưa thường xuyên quan tâm đổi mới nội dung và phương thức hoạt động để thu hút đoàn viên, hội viên. Công tác phối hợp trong tổ chức thực hiện các phong trào, các cuộc vận động chưa chặt chẽ, đồng bộ. Năng lực, trình độ của một số cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu. Kinh phí hoạt động, chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ MTTQ, các đoàn thể nhân dân chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Một số cán bộ, đảng viên trình độ năng lực hạn chế, thiếu rèn luyện, tu dưỡng, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi; chưa thực sự gần gũi, gần bó mật thiết với nhân dân. Một bộ phận công chức, viên chức còn nặng tư duy hành chính quản lý, chậm chuyển sang tư duy hành chính phục vụ. Lực lượng giáo viên, thầy thuốc còn mất cân đối giữa khu vực trung tâm và vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; số lượng thiếu, chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu. Lực lượng cán bộ khoa học và công nghệ, thông tin của tỉnh còn mỏng, thiếu các chuyên gia có uy tín, đặc biệt là thiếu cán bộ khoa học và công nghệ trẻ kế cận có trình độ cao, chuyên sâu. Chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ, công chức nhìn chung chưa đúng mức. Chính sách thu hút nhân tài còn nhiều điểm bất cập nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung.

VIII/ MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng bộ tỉnh có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây:

1- Sự sáng suốt trong việc đề ra nghị quyết đúng đắn và tổ chức thực hiện nghị quyết; sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ đảng, trước hết là trong Ban chấp hành, Ban Thường vụ cấp ủy các cấp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân là những nhân tố đặc biệt quan trọng quyết định việc thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp đã đề ra.

2- Sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của cấp ủy, sự điều hành năng động sáng tạo của chính quyền, phát huy vai trò của MTTQ, các đoàn thể nhân dân; sự phối hợp đồng bộ của các ban, ngành và sự phân cấp mạnh cho địa phương cùng với các chính sách, giải pháp phù hợp là những yếu tố quyết định hiệu quả của việc phát huy tối đa tiềm năng của nhân dân, của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế để đầu tư phát triển, sản xuất kinh doanh; góp phần giải quyết tốt việc làm, xoá đói giảm nghèo, phát triển giáo dục, văn hóa, chăm lo sức khỏe, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

3- Trong điều kiện là một tỉnh miền núi, biên giới, dân tộc, kinh tế nông nghiệp đang chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế, để phát triển nhanh và bền

vững phải luôn quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc quan điểm gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, đảm bảo an sinh xã hội, phát triển toàn diện con người, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội.

Phải coi trọng và bảo vệ môi trường ngay trong từng bước phát triển, nhất là trong quá trình phát triển công nghiệp. Phải ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là giao thông, điện, cấp thoát nước theo quy hoạch, kế hoạch; phải đầu tư tập trung vào các công trình trọng điểm, không dàn trải, phân tán. Hạ tầng cơ sở phát triển mạnh mẽ sẽ là tiền đề quan trọng để phát triển kinh tế, thu hút đầu tư, nâng cao đời sống nhân dân.

4- Thường xuyên quan tâm chăm lo bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực khoa học công nghệ có trình độ cao; các chính sách đào tạo, thu hút, đãi ngộ, trọng dụng hiền tài phải được cụ thể hóa; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, có tính chiến lược.

5- Các cấp ủy đảng phải đặc biệt chăm lo xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh về chính trị tư tưởng, rèn luyện đội ngũ cán bộ đảng viên có đủ bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực hoạt động thực tiễn để hoàn thành nhiệm vụ, nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở. Cán bộ đảng viên phải nêu gương sáng cho nhân dân; luôn gần dân, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng chính đáng của nhân dân và nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến lợi ích, đời sống của nhân dân.

6- Cấp ủy, chính quyền các cấp phải coi trọng và thực hiện tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo; kiểm tra, giám sát và đánh giá, tổng kết thực tiễn, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực; phải coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng trong tổ chức thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI IX (2010 – 2015)

I/ DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ qua cùng với những thành tựu gần 14 năm xây dựng và trưởng thành của tỉnh sẽ là nền tảng quan trọng và tạo niềm tin phấn khởi cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội IX Đảng bộ tỉnh. Với những kết quả tích cực đạt được trong thực hiện các chương trình đột phá và kinh nghiệm rút ra trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết sẽ tạo bước phát triển quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Việc phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh về công nghiệp, dịch vụ, cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, thế mạnh về đất đai, lao động; sự năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ, các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế trong sản xuất kinh doanh,

phát huy truyền thống cách mạng và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân sẽ tạo thành sức mạnh tổng hợp to lớn để xây dựng Bình Phước phát triển nhanh và bền vững, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh.

Tuy nhiên, trong những năm tới, tình hình thế giới, trong nước và trong tỉnh sẽ tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường. Tình hình kinh tế - xã hội sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức do hậu quả của suy thoái kinh tế. Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong tỉnh còn thấp. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tuy được quan tâm đầu tư nhưng chưa đáp ứng yêu cầu. Giá cả và thị trường tiêu thụ, đặc biệt là thị trường xuất khẩu các mặt hàng nông sản, nhất là cao su, hạt điều, tiêu (những mặt hàng chủ lực của tỉnh) sẽ còn nhiều biến động. Trong khi đó, yêu cầu về chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm ngày càng cao trong quá trình hội nhập. Cùng với sự phát triển công nghiệp, ô nhiễm môi trường sẽ ngày càng gia tăng ảnh hưởng đến đời sống và sức khỏe nhân dân. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế tác động đến chuyển dịch cơ cấu lao động có khả năng dẫn đến mất cân đối về lao động giữa các vùng dân cư, đặc biệt ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Những khiếu kiện phát sinh trong quá trình thu hồi đất để thực hiện các dự án sẽ còn diễn biến phức tạp. Những hạn chế, bất cập trong phát triển giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đầu tư phát triển văn hoá cùng với tình hình tội phạm, các tệ nạn xã hội tiếp tục diễn biến phức tạp, phân hoá giàu nghèo ngày càng tăng sẽ ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội trên địa bàn tỉnh. Thiên tai, dịch bệnh ngày càng diễn biến phức tạp sẽ tác động không nhỏ đến phát triển kinh tế và đời sống của người dân. Chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu là một trong những yếu tố hạn chế sự phát triển bền vững của tỉnh. Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện chiến lược “Diễn biến hoà bình”, “Bạo loạn lật đổ”; lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ và nhân quyền để tăng cường các hoạt động chống phá ta.

II/ MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Mục tiêu tổng quát của nhiệm kỳ 5 năm 2010-2015 được xác định là:

Phát huy truyền thống cách mạng và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tiếp tục phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở nâng cao chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế đi đôi với bảo đảm môi trường sinh thái, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, văn hoá tinh thần cho nhân dân. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, tăng cường công tác đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế trên các lĩnh vực. Tiếp tục đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng gắn với Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh*”; xây dựng bộ máy chính quyền các cấp ngày càng hiệu lực, hiệu quả; giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương; nâng cao chất lượng hoạt động của MTTQ, các đoàn thể nhân dân; tạo tiền đề vững chắc để đến năm 2020 cơ bản hoàn thành mục tiêu trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

III/ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, CHỈ TIÊU ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1/ Kinh tế

Tiếp tục phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; nâng cao chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng nhanh hàm lượng khoa học và công nghệ cao trong sản phẩm.

Phấn đấu bảo đảm tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) bình quân giai đoạn 2011 - 2015 là 13-14%. Trong đó, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản tăng 5 - 6% ; công nghiệp - xây dựng tăng 22 - 23% ; dịch vụ tăng 16 - 17%. Cơ cấu kinh tế đến năm 2015: Công nghiệp - xây dựng 35%; nông, lâm, thủy sản 33%; dịch vụ 32%. Phấn đấu đến năm 2015, tỷ trọng của ngành chăn nuôi chiếm 15% trong cơ cấu của ngành nông, lâm, thủy sản. Tổng sản phẩm nội địa (GDP) bình quân đầu người đến năm 2015 đạt 36-38 triệu đồng (tương đương 1.900 - 2.000 USD). Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2015 đạt 1 tỷ USD, nhập khẩu đạt 500 triệu USD. Thu ngân sách tăng bình quân 15 - 17%/năm, dự kiến đến năm 2015 thu ngân sách đạt khoảng 4.000 tỷ đồng; chi ngân sách tăng bình quân 15 - 17%/năm, dự kiến đến năm 2015 chi ngân sách khoảng 4.900 tỉ đồng. Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 55.000 - 55.500 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước khoảng 17 - 18%.

Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng điện đạt 95%;

Tỷ lệ che phủ rừng và cây lâu năm là 60%.

Đến năm 2015, mỗi huyện, thị xã chọn 02 xã để xây dựng nông thôn mới theo chỉ đạo của Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ.

2/ Văn hóa - xã hội, khoa học - công nghệ và môi trường

Tập trung nguồn lực của Nhà nước, xây dựng các chính sách cụ thể và vận dụng linh hoạt, có hiệu quả các chính sách xã hội hóa trên các lĩnh vực, tạo thêm nhiều nguồn lực đầu tư phát triển sự nghiệp khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân và xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững và toàn diện của xã hội. Đồng thời, thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, chính sách an sinh xã hội và bảo vệ môi trường.

Giáo dục đào tạo: Tập trung nguồn lực nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội học tập. Đảm bảo tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn 100% vào năm 2012 và tỷ lệ trên chuẩn bình quân 20% vào năm 2015. Nâng cao chất lượng dạy tin học và ngoại ngữ trong nhà trường; 100% xã, phường, thị trấn giữ vững kết quả xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và hoàn thành phổ cập THCS, tiến tới phổ cập THPT ở những nơi có điều kiện; 100% trẻ em trong độ tuổi được huy động ra lớp ở bậc tiểu học. Đến năm 2015, có từ 10% đến 15% số trường các bậc học đạt chuẩn Quốc gia. Quan tâm đầu tư

phát triển giáo dục mầm non; thực hiện có hiệu quả chương trình phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

Quan tâm đẩy mạnh công tác đào tạo để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao.

Khoa học - công nghệ: Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân. Nâng cao hiệu quả ứng dụng và tính khả thi của các đề tài nghiên cứu khoa học vào các lĩnh vực cụ thể. Từng bước thực hiện đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp. 100% các cơ quan hành chính nhà nước áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9000: 2008 (ISO hành chính công).

Thông tin - truyền thông: Triển khai thực hiện quy hoạch báo chí in. Mở rộng diện phủ sóng phát thanh, truyền hình ra các tỉnh, thành trong nước và nước ngoài, góp phần quảng bá hình ảnh của Bình Phước.

Công tác dân tộc, tôn giáo: Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX về công tác dân tộc, công tác tôn giáo, trên cơ sở cụ thể hóa Chương trình hành động của tỉnh ủy, cấp ủy, chính quyền các cấp; phấn đấu đến năm 2015 giảm hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn 8-10%.

Chăm sóc sức khỏe: Nâng cao chất lượng công tác phòng chống dịch bệnh và khám chữa bệnh cho nhân dân. Mức giảm tỷ suất sinh 0,7 ‰; 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế; đạt 25 giường bệnh/ vạn dân; đạt 8 bác sỹ/ vạn dân; còn 15% trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng.

Văn hóa - thể thao: Xây dựng nền văn hoá tiên tiến đi đôi với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Không ngừng nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân; phấn đấu 100% huyện, thị xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao; 90% thôn, ấp, khu phố có nhà văn hóa. Đến năm 2015, 95% các xã, thị trấn có mặt bằng luyện tập thể dục thể thao.

Giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo: Phấn đấu giải quyết việc làm cho 151.000 lao động; duy trì tỷ lệ thất nghiệp thành thị dưới mức 3,5% và duy trì tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn ở mức 90%; đào tạo nghề cho 30.000 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40%. Phấn đấu hàng năm giảm bình quân 1,3% tỷ lệ hộ nghèo.

Bảo vệ môi trường: Tăng chi ngân sách cho sự nghiệp môi trường. 100% cơ sở sản xuất xây dựng mới phải có công nghệ tiên tiến, xử lý các loại chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường. 100% doanh nghiệp có sản phẩm xuất khẩu có yêu cầu chứng nhận môi trường đều áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001. Đến năm 2015, tất cả các khu công nghiệp, bệnh viện được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung; 85% hộ gia đình có hố xí, chuồng trại hợp vệ sinh; 100% các mỏ khai khoáng áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường. Phấn đấu 90% dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh.

3/ Quốc phòng - an ninh - nội chính

Giữ vững ổn định quốc phòng - an ninh, bảo đảm an ninh tuyến biên giới. Tăng cường củng cố tiềm lực quốc phòng - an ninh; tiếp tục lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động của Tỉnh ủy; các đề án của UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng; chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm của Chính phủ, chỉ thị của Tỉnh ủy về mục tiêu 5 giảm và công tác phòng chống tội phạm về môi trường. Kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy của các cơ quan tư pháp; nâng cao chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật theo tinh thần chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

4/ Đối ngoại

Tiếp tục đổi mới tư duy, quán triệt sâu sắc đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng; tăng cường tính chủ động, sáng tạo và hiệu quả trong công tác đối ngoại; kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại chính trị, kinh tế, văn hóa, đối ngoại nhân dân, đối ngoại quốc phòng, an ninh để tạo ra sức mạnh tổng hợp, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX đề ra. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện và nâng cao quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới và đặc biệt với các tỉnh của Vương quốc Campuchia giáp biên giới với tỉnh Bình Phước và một số tỉnh của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

5/ Xây dựng hệ thống chính trị

Công tác xây dựng Đảng: Nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng là tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng. Đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc của các cấp ủy đảng. Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác chính trị tư tưởng; tổ chức cán bộ; kiểm tra, giám sát và vận động quần chúng của Đảng. Đẩy mạnh thực hiện “làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh”; tăng cường giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống, nâng cao tính tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất, có bản lĩnh chính trị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức.

Thực hiện tốt công tác phát triển đảng viên mới, kết nạp mới 6.000 đảng viên; phấn đấu 100% thôn, ấp, trường học; tổ, đội sản xuất trong doanh nghiệp nhà nước, trạm y tế có đảng viên; giảm tối đa tỉ lệ thôn, ấp, trường học chưa có chi bộ. Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, tổ chức đảng đạt trong sạch vững mạnh hàng năm đạt 80% trở lên. Thực hiện quy hoạch đúng quy trình, sát yêu cầu thực tiễn, gắn với luân chuyển cán bộ đạt 40 - 50% nguồn quy hoạch. Xây dựng qui hoạch chiến lược cán bộ cho cả hệ thống chính trị, đặc biệt quan tâm cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số và cán bộ cấp cơ sở; phấn đấu 100% cán bộ,

công chức từ tỉnh đến cơ sở đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định. Tiếp tục thực hiện chủ trương trẻ hoá đội ngũ cán bộ các cấp.

Xây dựng chính quyền: Xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, thực sự là chính quyền của dân, do dân và vì dân. Tiếp tục phát huy dân chủ cơ sở, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, từng bước nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực chuyên môn kỹ năng giải quyết công việc của cán bộ công chức các cơ quan công quyền, nhất là cấp cơ sở. Phát huy vai trò chủ động sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp; tăng cường chức năng quyết định và vai trò giám sát của HĐND các cấp.

Xây dựng MTTQ, các đoàn thể nhân dân vững mạnh toàn diện. Phần đầu có 92% tổ chức cơ sở đạt khá trở lên, vận động 85% lực lượng quần chúng tham gia vào các tổ chức. Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Hướng về cơ sở, tập trung củng cố tổ chức và phát triển đoàn viên, hội viên; đẩy mạnh các hoạt động chuyển giao khoa học kỹ thuật, hỗ trợ vốn để phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo; tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào hành động cách mạng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên địa bàn tỉnh.

IV/ CHƯƠNG TRÌNH ĐỘT PHÁ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

*** Các chương trình đột phá:**

1- Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy nhanh phát triển công nghiệp.

2- Chương trình đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

3- Chương trình đào tạo cán bộ và phát triển nguồn nhân lực.

Trên cơ sở phát huy tối đa những thành quả và ưu điểm đã đạt được và khắc phục những khuyết điểm, hạn chế trong tổ chức thực hiện các chương trình đột phá nhiệm kỳ qua, cần tập trung tối đa các nguồn lực hiện có để thực hiện một cách có hiệu quả nhất 03 chương trình đã đề ra.

*** Giải pháp chủ yếu:**

Cùng với việc ưu tiên thực hiện 03 chương trình đột phá để tạo động lực thúc đẩy sự phát triển nhanh của một số lĩnh vực quan trọng, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải tập trung mọi nỗ lực để hoàn thành những nhiệm vụ trọng tâm và chỉ tiêu định hướng phát triển của nhiệm kỳ 2010-2015 với các giải pháp chủ yếu sau:

1/ Lĩnh vực kinh tế

1.1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

Tiếp tục đẩy nhanh công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững, sản xuất đi đôi với bảo vệ môi trường. Thực hiện có hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới trên cơ sở giải quyết đồng bộ vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông

thôn. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa có khả năng cạnh tranh cao. Tiếp tục hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh phù hợp với lợi thế của tỉnh; mở rộng diện tích cây cao su, tiếp tục triển khai chương trình trồng cao su phục vụ công tác xóa đói giảm nghèo trong vùng đồng bào dân tộc; phát triển cây hồ tiêu, ca cao, cây ăn quả ở những vùng đất thích hợp; duy trì diện tích và nâng cao năng suất cây điều. Có chính sách quản lý, định hướng và biện pháp kích cầu để khuyến khích người dân tiếp tục trồng, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ cây điều. Đổi mới giống cây trồng, vật nuôi và xây dựng các thương hiệu sản phẩm chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và lâm nghiệp. Ưu tiên phát triển chăn nuôi công nghiệp hiện đại quy mô lớn theo quy hoạch; tập trung chăn nuôi heo, gà, đại gia súc. Tiếp tục phát triển lâm nghiệp toàn diện, sử dụng hiệu quả 3 loại rừng. Tận dụng tối đa mặt nước để phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản theo hướng đa dạng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên của tỉnh. Chú trọng phát triển hệ thống thủy lợi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Tăng cường sự liên kết giữa Nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học và nhà nông trong quá trình sản xuất kinh doanh trên lĩnh vực nông nghiệp.

Nâng cao chất lượng quy hoạch, sử dụng đất đai, khuyến khích và tạo điều kiện cho các trang trại ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh; có chiến lược phát triển trang trại theo quy mô lớn; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp địa phương đầu tư phát triển kinh tế trang trại.

Tăng cường công tác bảo vệ rừng, kiên quyết xử lý các vi phạm trong quản lý, bảo vệ rừng để góp phần giữ gìn và bảo vệ môi trường sinh thái.

1.2. Công nghiệp - xây dựng

Tập trung mọi khả năng, nguồn lực để phát triển công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi phát triển ngành xây dựng. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến nhất là nhóm ngành chế biến nông sản, thực phẩm; khuyến khích tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới thiết bị, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm; mở rộng quy mô sản xuất, tạo ra lượng sản phẩm hàng hoá lớn cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tạo điều kiện để ngành công nghiệp sản xuất x măng phát triển thành ngành chủ lực của tỉnh.

Tiếp tục thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sử dụng nhiều lao động để chuyển dịch cơ cấu lao động. Xây dựng và phát triển các cụm công nghiệp theo quy hoạch chung của tỉnh, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông sản của địa phương, phát triển tiểu thủ công nghiệp, phát triển các ngành nghề truyền thống để giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân. Liên kết chặt chẽ với các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong phát triển công nghiệp và đô thị .

1.3. Thương mại - dịch vụ

Phát triển các ngành dịch vụ hiện có, khuyến khích và tạo điều kiện để phát triển các dịch vụ tài chính ngân hàng, tư vấn, bảo hiểm, khoa học công nghệ, bưu chính, viễn thông.

Đẩy mạnh phát triển du lịch. Hoàn thành và đưa vào khai thác các khu du lịch Bà Rá - Thác Mơ; khu di tích lịch sử và du lịch sinh thái Bộ Chỉ huy Miền; khu du lịch, nghỉ dưỡng Trảng cò Bàu Lạch; làng văn hóa Sóc Bom Bo; khai thác tuyến du lịch Việt Nam - Campuchia - Lào - Thái Lan.

Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, phát triển các mặt hàng có tiềm năng thành những mặt hàng xuất khẩu mới (sản phẩm gỗ, linh kiện điện tử...) và các mặt hàng có giá trị gia tăng cao, tăng sản phẩm chế biến thành phẩm. Nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, đầu tư để mở rộng thị trường xuất khẩu; đẩy mạnh xuất khẩu. Thực hiện tốt chương trình đưa hàng Việt về nông thôn và Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

Khuyến khích mở rộng thông thương hàng hoá trên thị trường nội địa và các tỉnh thuộc Vương quốc Campuchia và nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào.

1.4. Tài chính - tín dụng

Có chính sách đầu tư, nuôi dưỡng các nguồn thu. Khai thác các nguồn thu ngân sách một cách hợp lý và bền vững, tiếp tục khai thác có hiệu quả nguồn thu từ quỹ đất. Thực hiện chi ngân sách hợp lý trên cơ sở tiết kiệm, chống lãng phí, trong đó chú trọng chi đầu tư phát triển và an sinh xã hội. Tiếp tục tiếp cận và sử dụng có hiệu quả các gói kích cầu của Chính phủ. Thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong chi ngân sách nhà nước. Hoạt động tín dụng: khai thác tốt các nguồn vốn nhân rồi trong dân, đáp ứng kịp thời vốn cho các doanh nghiệp và nhân dân vay để phát triển sản xuất kinh doanh.

1.5. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông, hệ thống điện, các công trình thủy lợi, cấp thoát nước, đáp ứng yêu cầu phát triển; trong đó ưu tiên các trục đường chính và mạng lưới giao thông tại trung tâm hành chính các huyện, thị xã và cơ sở hạ tầng vùng nông thôn, tạo điều kiện cho các xã phát triển theo tiêu chí nông thôn mới, nhất là các tiêu chí về giáo dục, y tế và giao thông nông thôn; đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu. Chú trọng đầu tư và cơ bản hoàn thành hạ tầng trung tâm 2 huyện Hớn Quản, Bù Gia Mập và xây dựng kế hoạch chuẩn bị cho việc thành lập huyện mới khi có đủ điều kiện. Quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp các bệnh viện huyện; phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các thiết chế văn hóa, xã hội ở nông thôn và an sinh xã hội ở các địa phương.

2/ Văn hóa - xã hội, khoa học - công nghệ và môi trường

2.1. Giáo dục và Đào tạo

Nâng cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội đối với

sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Nhận thức và thực hiện đúng quan điểm “Giáo dục và đào tạo là Quốc sách hàng đầu”. Tăng cường huy động học sinh đến lớp, giảm tỷ lệ học sinh nghỉ, bỏ học; thực hiện tốt chính sách đối với học sinh dân tộc thiểu số; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trường chuẩn Quốc gia, thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục.

Chăm lo đào tạo bồi dưỡng, chuẩn hoá đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cả về chính trị tư tưởng, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, thu hút đội ngũ giáo viên giỏi.

Thực hiện tốt xã hội hoá giáo dục - đào tạo để tăng nguồn lực cho giáo dục và đào tạo; giải quyết tốt vấn đề đất xây dựng trường học, tạo điều kiện cho các đơn vị tham gia xây dựng trường học ngoài công lập.

Xây dựng, phát triển Hội khuyến học các cấp, các ngành, các địa phương vững mạnh để làm nòng cốt cho phong trào thi đua khuyến học, khuyến tài. Đẩy mạnh hoạt động khuyến học, khuyến tài, phát triển Quỹ Khuyến học, khuyến khích các cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức đóng góp bằng nhiều hình thức để bảo trợ giáo dục: hiến đất, góp tiền, công sức, trong việc xây dựng trường học, góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo.

2.2. Khoa học - công nghệ

Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của khoa học công nghệ trong quá trình phát triển của tỉnh. Đẩy mạnh đổi mới tổ chức và quản lý khoa học và công nghệ. Tăng cường kiểm soát, giám định công nghệ và chất lượng sản phẩm. Từng bước hình thành thị trường công nghệ.

Tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, thể chế hóa các nội dung liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế, các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ cập kiến thức khoa học và công nghệ.

Đẩy mạnh xã hội hóa khoa học công nghệ bằng mô hình gắn kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, nhà khoa học và doanh nghiệp.

2.3. Văn hóa - thể thao

Nâng cao chất lượng các thiết chế văn hóa cơ sở; trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, nhất là ở cơ sở. Thực hiện tốt công tác phòng, chống văn hóa phẩm độc hại và các loại hình giải trí không lành mạnh.

Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và phong trào xây dựng cơ quan, đơn vị “Văn minh - An toàn - Sạch đẹp”. Đẩy mạnh xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Có cơ chế, chính sách khuyến khích các nhà đầu tư phát triển các lĩnh vực văn hóa, thể thao. Chú trọng đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ huấn luyện viên, trọng tài có tâm huyết và trình độ. Xây dựng các bộ môn thể thao thành tích cao. Mở rộng và giao lưu, hợp tác văn hóa, thể thao với khu vực, trong nước, ngoài nước.